

CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HỢP TÁC VÙNG TAM GIÁC PHÁT TRIỂN VIỆT NAM LÀO CAMPUCHIA

LÊ PHƯƠNG HÒA*

Khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia (CLVDT)⁽¹⁾ là vùng đất khá đặc biệt có nhiều nét tương đồng về đặc điểm tự nhiên văn hoá và tài nguyên phong phú, đa dạng nhưng chưa được khai thác và có vị trí chiến lược quan trọng đối với cả ba nước về chính trị, kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái. Vì thế, mục đích của việc xây dựng tam giác phát triển là khai thác tiềm năng, thế mạnh, các nguồn lực của mỗi nước trong khu vực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các vùng khác của mỗi nước, tạo động lực cho cả vùng và các khu vực khác của ba nước.

Để có thể phân tích đúng tiềm năng, thế mạnh và khả năng phát triển của CLVDT, chúng ta cần đánh giá đúng như nhân tố tác động đến sự phát triển của vùng. Bài viết này sẽ tập trung phân tích bảy nhân tố cơ bản tác động đến CLVDT với tư cách là một vùng phát triển

1. Nhân tố điều kiện tự nhiên

Các nguồn tài nguyên thiên nhiên của vùng

CLVDT là một vùng có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, có nhiều yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế. Các yếu tố đất, nước, không khí đều thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng cây công nghiệp. Các yếu tố về tài nguyên khoáng sản cũng rất phong phú với trữ lượng lớn, thuận lợi cho phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản. Với nguồn tài nguyên nước hiện nay rất thuận lợi cho khai thác tài nguyên năng lượng thông qua việc xây dựng các đập thủy điện. Bên cạnh đó, với lợi thế nhiều cảnh tự nhiên như thác nước, các khu bảo tồn cũng là yếu tố then chốt để khu vực phát triển kinh tế du lịch.

Trong CLVDT, nếu nhìn về lợi thế phát triển thì tiềm năng của các tỉnh khá tương đồng, trong quy hoạch phát triển nên theo hướng phát triển thành vùng sản xuất

* Ths. NCS. Lê Phương Hòa, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

ngành hàng hoặc vùng nguyên liệu. Trong thời gian qua, ở vùng CLVDT, việc khai thác tài nguyên phần nhiều ở dạng khai thác tận thu, các phương án về tái tạo nguồn tài nguyên gần đây mới được nhắc đến nhưng việc triển khai còn mang tính hình thức, đặc biệt là trong khai thác gỗ. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn tài nguyên bền vững của vùng. Vì vậy, trong quy hoạch phát triển vùng, phải xem xét lại các quyết định đã có về phát triển và phân bố các đối tượng thuộc các khu vực khác nhau của nền kinh tế vùng.

Vị trí địa lý

Tam giác phát triển có vị trí chiến lược đối với cả ba nước về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái. Đây là điểm giao thương kết nối lý tưởng chung cho cả ba nước về mặt vận chuyển. Thông qua các hành lang kinh tế dọc theo các trục quốc lộ 78 của Campuchia và 18,16 của Lào qua các quốc lộ 14,19, 24, 49 của Việt Nam nối toàn bộ khu vực này với các cảng biển của Việt Nam. Đồng thời thông qua quốc lộ 7 của Campuchia và 13 của Lào nối khu vực này với Phnom Pênh và Viêng Chăn; qua các trục quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh nối khu vực này với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh... đây là một trong những điều kiện thuận lợi để ba nước mở rộng giao lưu liên kết phát triển kinh tế, xã hội.

Xét về mặt kinh tế thì đây là điểm tập trung và trung chuyển hàng hóa lý tưởng cho bản thân khu vực tam giác và các tỉnh khác của Campuchia, Lào ra với bên ngoài với chi phí giá thành vận chuyển thấp hơn do quãng đường di chuyển ngắn hơn.

2. Nhân tố vốn cho đầu tư phát triển

Tại khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, trong thời gian qua, vốn cho đầu tư phát triển đến từ ba nguồn chính. Thứ nhất là vốn hỗ trợ của mỗi nước dành cho các tỉnh thuộc tam giác phát triển của mình. Với nguồn đầu tư này hiện chưa có số liệu thống kê chính xác nhưng theo đánh giá của các chuyên gia thì trong ba nước tham gia, nguồn vốn này của Việt Nam là lớn nhất với những chương trình đầu tư lớn cho vùng chiến lược quốc gia là Tây Nguyên. Hai nước còn lại có số vốn đầu tư khiêm tốn hơn; một mặt, là do điều kiện kinh tế của hai nước bạn còn hạn chế so với Việt Nam; mặt khác, hai vùng trong tam giác phát triển chưa phải là ưu tiên đầu tư hàng đầu của các nước này.

Nguồn vốn thứ hai là từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư tại đây. Trong những năm qua, tình hình hợp tác đầu tư giữa các doanh nghiệp 3 nước Việt Nam - Lào và Campuchia tại khu vực này đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ.

Hiện Việt Nam có 120 dự án đầu tư sang Campuchia với tổng vốn đầu tư phía Việt Nam là 2,64 tỷ đô la Mỹ, trong đó có 25 dự án đầu tư nằm trong khu vực CLVDT thuộc Campuchia với tổng vốn đầu tư là 1,44 tỉ đô la Mỹ (chiếm 20,8% số dự án và 54,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp từ Việt Nam sang Campuchia). Đối với Lào, hiện Việt Nam có 218 dự án đầu tư trực tiếp tại Lào, với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 3,6 tỷ trong đó có 50 dự án đầu tư vào Khu vực tam giác CLV thuộc Lào với tổng vốn đầu tư khoảng 1,65 tỉ đô la Mỹ, chiếm 22,9% tổng số dự án và 47,5% tổng vốn đầu tư của Việt Nam vào Lào. Vốn bình quân một dự án đạt 33,1 triệu đô la Mỹ⁽²⁾.

Nhìn chung, các dự án đầu tư của Việt

Nam tại các tỉnh thuộc khu vực tam giác CLV của Campuchia và Lào tập trung vào khai thác và chế biến tài nguyên thiên nhiên, sử dụng nhiều lao động, thời gian đầu tư dài, vốn lớn, có vị trí địa lý gần gũi và điều kiện tương đồng với Việt Nam, chủ yếu là trồng cao su và khai khoáng.

Hiện các dự án đang trong quá trình triển khai, chưa đem lại lợi ích kinh tế trước mắt, nhưng về lâu dài đảm bảo hiệu quả kinh tế cho nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực giáp biên, tận dụng được một số hàng hóa sản phẩm, máy móc thiết bị của Việt Nam đem sang và đóng góp nhiều cho phát triển kinh tế của địa phương nhận đầu tư.

Tại 5 tỉnh của Việt Nam thuộc Khu vực tam giác phát triển, hiện có 129 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đến từ 19 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 1 tỷ USD. Trong khi đó, Lào có 5 dự án đầu tư vào các tỉnh của Việt Nam thuộc Khu vực tam giác phát triển, với tổng vốn đầu tư đăng ký 77,2 triệu USD; Campuchia có 2 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 18,2 triệu USD⁽³⁾.

Nguồn vốn thứ ba cho tam giác phát triển là từ nguồn tài trợ nước ngoài mà hiện nay chủ yếu là từ Nhật Bản.

Từ Hội nghị Cấp cao CLV+Nhật Bản lần thứ nhất (Viêng Chăn, tháng 11/2004), Nhật Bản đã đồng ý xem xét hỗ trợ ba nước CLV xây dựng Tam giác phát triển, trong đó xem xét viện trợ không hoàn lại các dự án nhỏ trong lĩnh vực phát triển nông thôn và an sinh xã hội trong khu vực Tam giác. Tiếp đó, tại Hội nghị Cấp cao CLV+Nhật Bản lần 2 (Malaysia, tháng 12/2005), Nhật Bản cam kết hỗ trợ 2 tỷ Yên cho 16 dự án về giáo dục, đào tạo, y tế, dân sinh trong

khu vực Tam giác phát triển. Tuy nhiên, thực tế khoản hỗ trợ 2 tỷ Yên là hỗ trợ song phương của Nhật Bản cho các dự án đã và được giải ngân trong khu vực Tam giác, chứ không phải là khoản hỗ trợ mới dành riêng cho khu vực này.

Đến Hội nghị Bộ trưởng CLV+Nhật Bản lần 3 tại Cebu (Philippines, tháng 1/2007), sự hỗ trợ của Nhật Bản cho khu vực Tam giác phát triển đã có bước chuyển mạnh mẽ. Nước này cam kết hỗ trợ 20 triệu USD cho khu vực trong khoản hỗ trợ 52 triệu USD cho thúc đẩy hợp tác kinh tế ASEAN - Nhật Bản.

Tròn một năm sau, tháng 1/2008, tại Hội nghị Bộ trưởng Mekong - Nhật Bản lần thứ nhất, ba nước CLV và Nhật Bản đã thông qua danh mục dự án CLV sử dụng khoản hỗ trợ 20 triệu USD của Nhật Bản, trong đó Việt Nam có 7 dự án trị giá 3,5 triệu USD. Lào và Campuchia mỗi nước nhận 7,5 triệu USD, còn 1,5 triệu USD được sử dụng vào các hoạt động nghiên cứu, điều tra, lập luận chứng kỹ thuật⁽⁴⁾... Các dự án được triển khai từ nguồn tài trợ của Nhật Bản tập trung cho việc phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế của người dân vùng tam giác. Nhìn toàn diện thì CLVDT chưa đáp ứng được tiêu chí sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

3. Nhân tố lao động

So với các vùng khác trên cả nước, khu vực Tam giác có số lượng dân cư và mật độ dân số tương đối thấp, nhất là khu vực Đông Bắc Campuchia và Nam Lào. Chính vì vậy, lực lượng lao động và việc làm của khu vực này cũng không lớn và chủ yếu tập trung ở khu vực Tây Nguyên của Việt Nam⁽⁵⁾. Khi phân tích lao động với tư cách

là một nhân tố tác động đến phát triển CLVDT ta có thể thấy:

- Lao động của CLVDT phần lớn là lao động phổ thông, chủ yếu làm nông nghiệp nên giá trị gia tăng do lao động tạo ra rất thấp, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội không cao. Yếu tố chất lượng lao động của khu vực là yếu tố cản trở phát triển, cần sớm được cải thiện

- Dù trong thời gian qua quy mô lao động tăng, đồng nghĩa với nhu cầu tiêu dùng sản phẩm tăng, nhưng rõ ràng quy mô dân số cũng như lao động của vùng chưa thực sự lớn, mật độ dân số CLVDT thấp là một trong những hạn chế lớn để phát triển thị trường nội vùng. Bên cạnh đó, với thu nhập thấp, đời sống người dân ở đây còn dựa nhiều vào tự túc tự cấp hàng hóa khiến cho khả năng phát triển sản xuất không cao.

4. Nhân tố khoa học công nghệ

Mặc dù đạt được những thành tựu nhất định, song nhìn chung khoa học, công nghệ của CLVDT còn nhiều hạn chế, chưa giữ vai trò then chốt là động lực phát triển kinh tế - xã hội. Năng lực khoa học và công nghệ còn nhiều yếu kém. Thiếu cán bộ giỏi về khoa học và công nghệ, chưa có chính sách thu hút cán bộ làm công tác khoa học, thiếu cán bộ trẻ kế cận có trình độ cao. Cơ cấu nhân lực khoa học và công nghệ theo lĩnh vực còn nhiều bất hợp lý. Đầu tư của xã hội cho khoa học và công nghệ còn rất thấp. Trang thiết bị đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ đã từng bước được bổ sung nhưng còn thiếu, không đồng bộ. Trình độ công nghệ của nhiều ngành sản xuất còn thấp và lạc hậu. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa thực

sự gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, đối với nhân tố khoa học công nghệ của CLVDT, ta thấy yếu tố cản trở hiện còn nhiều hơn là thuận lợi. Do phát triển sản xuất với hàm lượng khoa học thấp nên giá trị gia tăng mà khu vực tạo ra còn rất hạn chế. Nếu không nhanh chóng cải thiện nhân tố này thì khó lòng có thể thu hẹp khoảng cách của vùng với các vùng còn lại của ba nước và với thế giới bên ngoài.

5. Nhân tố hợp tác

Hợp tác xuyên biên giới trong vùng cũng từng bước được đẩy mạnh trên mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội. Đặc biệt là xúc tiến thương mại và đầu tư, trong đó đặc biệt là các hoạt động xây dựng các khu kinh tế và cửa khẩu. Đây là lĩnh vực được ưu tiên phát triển ở mỗi nước, cũng như giữa các nước nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Nhiều chính sách ưu đãi được Việt Nam áp dụng như giảm thuế nhập khẩu 0% đối với 40 mặt hàng của Campuchia, áp dụng thuế 0% và 50% đối với những mặt hàng có xuất xứ từ Lào; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư lẫn nhau; phát triển các khu kinh tế như khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y tại Kon Tum.

Nhân tố hợp tác với bên ngoài của vùng được nhìn từ hai lớp, lớp thứ nhất là giữa vùng với các vùng còn lại của ba nước với sự hỗ trợ tích cực của chính phủ ba bên. Lớp thứ hai là với các đối tác bên ngoài khác ở tầm quốc gia như Nhật Bản, tầm thể chế quốc tế như ADB và đặc biệt là sự kết nối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hoặc là đối tác hợp tác của vùng. Đây là những nhân tố quan trọng góp phần lớn trong việc thúc đẩy phát triển của vùng thời

gian qua cả về kinh tế và xã hội.

Cụ thể, về mặt cơ chế hoạt động ở cấp cao nhất có hội nghị cấp cao ba nước tổ chức hàng năm để ra những quyết sách quan trọng mang tính định hướng mục tiêu cho vùng. Những cuộc họp này không chỉ bàn về liên kết CLVDT, mà còn có ý nghĩa chung cho hợp tác phát triển ba nước Đông Dương. Hội nghị này được phát triển mở rộng với các đối tác bên ngoài, trong đó đặc biệt là với Nhật Bản. Trong những năm gần đây Hội nghị cấp cao CLV+ Nhật Bản đã thường xuyên được tổ chức. CLVDT đã hình thành ủy ban điều phối mỗi nước, ủy ban điều phối chung của ba bên và tổ chức định kỳ họp hàng năm.

Để thúc đẩy thực hiện quy hoạch thì ủy ban điều phối mỗi nước đã lập nên các tiểu ban như tiểu ban kinh tế, tiểu ban an ninh - đối ngoại, tiểu ban môi trường và xã hội, tiểu ban địa phương. Cuộc họp các tiểu ban đã dẫn đi vào nề nếp và thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực quan trọng.

Về cơ chế chính sách, các lãnh đạo của ba nước đã nhất trí cao trong việc tạo cơ chế ưu đãi cho khu vực này. Điều này cơ bản xuất phát thuận lợi từ môi quan hệ giao lưu tốt đẹp sẵn có trước đây của ba nước. Các chính sách ưu đãi đặc biệt cho khu vực CLVDT đã được thủ tướng chính phủ ba nước thông qua tại hội nghị cấp cao lần thứ năm tại Viêng Chăn tháng 11 năm 2008 và đã được triển khai.

Trong khuôn khổ hợp tác song phương, Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông từ tháng 3 năm 2004; Ký thỏa thuận Hà Nội tháng 9 năm 2007 thay cho Thỏa thuận Viêng Chăn năm 2004 về tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện hàng hóa

qua lại biên giới nhằm đẩy mạnh hơn nữa việc khuyến khích phát triển hợp tác đầu tư thương mại giữa hai nước, trong đó có khu vực CVLDT. Campuchia và Lào đã ký hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông vào ngày 28 tháng 3 năm 2008. Việt Nam và Campuchia đã ký hiệp định miễn thị thực cho người mang hộ chiếu phổ thông, hiệp định quá cảnh tháng 11 năm 2008.

Như vậy, đối với nhân tố hợp tác của vùng, đặc biệt là với vùng quốc tế như CLVDT thì cho đến nay nhân tố này đang phát huy hiệu quả tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của vùng.

6. Kết cấu hạ tầng

Cơ sở hạ tầng luôn là một trong những yếu tố then chốt của sự phát triển kinh tế. Từ hiện trạng cơ sở hạ tầng đã được đề cập ở phần trên, vấn đề cơ sở hạ tầng tại khu vực CLVDT có thể kết luận lại ở mấy điểm sau:

Cơ sở hạ tầng khu vực này nhìn chung là còn kém phát triển, chưa đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của dân cư trong vùng và yêu cầu chung của phát triển.

Có sự chênh lệch đáng kể giữa hạ tầng tại các tỉnh của Việt Nam với các khu vực khác trong tam giác phát triển.

Hệ thống hạ tầng ở đây chưa phát triển đúng với tiềm năng vốn có của vùng, hay nói đúng hơn là chưa khai thác được nhiều lợi thế của vùng, đặc biệt việc khai thác hiện nay trong ngành điện và giao thông lại phục vụ ít hơn cho mục đích của vùng.

Việc đầu tư cho hạ tầng là rất tốn kém, tuy nhiên với tiềm lực hiện nay thì khó có thể nhanh chóng nâng cấp hệ thống cơ sở

hạ tầng trong ngày một ngày hai và bằng nguồn vốn của địa phương, do vậy cần có một chiến lược tổng thể và dài hạn để thu hút vốn đầu tư cho khu vực.

Trong một thời gian dài, vùng này rơi vào vòng luẩn quẩn của cơ sở hạ tầng yếu kém, dẫn đến không thu hút được đầu tư; do đó chưa khai thác được lợi thế của vùng khiến cho kinh tế và đời sống người dân chậm được cải thiện và cuối cùng lại dẫn đến cơ sở hạ tầng vẫn yếu kém, trong khi yêu cầu về nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng vẫn được duy trì ở mức cao.

Tóm lại, nhìn vào hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng hiện nay thì thấy rằng, lợi thế và tiềm năng còn nhiều nhưng chưa thực sự được khai thác và đầu tư thích đáng. Muốn phát triển vùng bền vững thì còn là một quá trình dài với những chính sách định hướng và đầu tư tổng hợp. Đây là khó khăn chung của cả ba nước. Do vậy, để phát triển cần phải có những bước hoạch định thận trọng và không nên nóng vội, trong đó nên ưu tiên cho tăng trưởng, trước mắt nên đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu tại chỗ.

Có thể nói, căn cứ trên việc đánh giá các nhân tố tác động đến phát triển của vùng CLVDT thì yếu tố thuận khó khăn xu hướng nổi trội hơn. Các nhân tố thuận lợi cho sự phát triển của vùng theo phân tích ở trên là: thứ nhất, điều kiện tài nguyên thiên nhiên và vị trí địa lý, thứ hai là nhân tố hợp tác, thứ ba là nhân tố chính sách. Các nhân tố cản trở chính là: thứ nhất cơ sở hạ tầng còn lạc hậu; thứ hai, trình độ lao động thấp và quy mô lao động không lớn; thứ ba, trình độ khoa học công nghệ thấp; thứ tư là nguồn vốn cho đầu tư khan hiếm. Trong xu hướng phát triển thì các nhân tố mềm như cơ chế,

chính sách... đang được cải thiện nhanh chóng, các nhân tố này quay trở lại tương hỗ cải thiện cơ sở nền tảng cho các nhân tố cứng như cơ sở hạ tầng, trình độ khoa học công nghệ, ...

Từ những phân tích về CLVDT dưới góc độ phát triển vùng, trên cơ sở những gì đã có, các nước nên ưu tiên song song cải thiện cơ sở hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực./.

CHÚ THÍCH

1. Chính thức hình thành từ năm 2004 với 10 tỉnh ban đầu và được mở rộng thêm 3 tỉnh vào năm 2009. Hiện nay CLVDT bao gồm 13 tỉnh có đường biên giới hoặc có liên quan đến khu vực biên giới chung giữa ba nước là: Mondulkiri, Rattanakiri và Stung Treng, Kraitie (Campuchia), Attapu, Saravan và Sê Kông, Champasak (Lào), Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk và Đắk Nông, Bình Phước (Việt Nam)
2. Đặng Xuân Quang, Cục phó Cục Đầu tư nước ngoài, *Thúc đẩy kinh tế khu tam giác phát triển Việt Nam Lào Campuchia* <http://diendandauteu.vn/c1n2012110905025983500/thuc-day-kinh-te-khu-tam-giac-phat-trien-viet-nam-lao-campuchia.html> cập nhật 22/11/2012
3. Đặng Xuân Quang, Cục phó Cục Đầu tư nước ngoài, tài liệu đã dẫn
4. Bộ ngoại giao Nhật Bản, www.mofa.org.jp
5. Viện nghiên cứu Đông Nam Á, *Một số vấn đề phát triển và quản lý phát triển kinh tế xã hội vùng tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia*, Báo cáo tổng hợp đề tài độc lập cấp nhà nước Mã số DTĐL. 2008/06 (PGS.TS. Nguyễn Duy Dũng chủ nhiệm), Hà Nội 2010.